

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2021
V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Q
2. Bà Nguyễn Thị L

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm: 1987. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 2, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lê Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T vào ngày 13/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng có tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng qua nhiều năm đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ khi kết hôn đến nay đã 08 năm nhưng vợ chồng chị C vẫn chưa có con chung đó là nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C đã nhiều lần khuyên bảo anh H cùng đi khám chữa bệnh để có con nhưng anh H kéo dài thời gian không đi. Vì không chịu đựng được nữa nên chị đã chủ động sống ly thân từ đầu tháng 12 năm 2020 đến nay.

Về con chung: Chị C và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 10/11/2020 anh Lê Văn H có làm bản tự khai, nội dung bản tự khai anh H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Bích C kết hôn với nhau vào năm 2013 khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ. L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng vẫn sống với nhau bình thường. Chị C muốn ly hôn anh H không đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị C chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H và chị C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Lê Văn H còn trình bày: Anh H chỉ lên Tòa án để viết bản tự khai và không lên Tòa án giải quyết vụ án. Toàn án giải quyết theo pháp luật, anh H không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:

****Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*** Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

****Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:*** Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

****Về nội dung vụ án:*** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Nguyễn Thị Bích C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Xin ly hôn*”. Bị đơn anh Lê Văn H cư trú tại thôn 2, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Văn H có mặt tại địa phương. Anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Từ khi anh H lên Tòa án để viết bản tự khai đến nay anh H không chịu nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án, vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục lập biên bản về việc người được tổng đạt không nhận văn bản tố tụng như thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập anh H làm việc nhưng không có kết quả. Ngày 24/02/2021 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng phiên tòa lần 1 phải hoãn vì vắng mặt bị đơn anh Lê Văn H. Tại phiên tòa lần 2, anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt này không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lê Văn H kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. L, huyện Đ. H vào ngày 13/12/2013 là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lê Văn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng vì không có con chung dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, chị C đã nhiều lần khuyên nhủ anh H cùng đi khám chữa bệnh để có con chung nhưng anh H cố tình né tránh dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 12 năm 2020 đến nay. Nhận thấy, chị C và anh H không còn tình cảm và quan tâm nhau, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích C.

[2.2] *Về con chung:* Giữa chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lê Văn H không có con chung với nhau. Bản thân chị C hiện nay cũng không có thai với anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004368 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2021) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đ. N;
- TAND Tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn N